

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 05 - 01 - 2023
Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Trịnh Bùi T - sinh năm 1991. (có mặt)
Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:** Anh Trương Văn Đ - sinh năm 1987 (vắng mặt)
Chị Viên Thị X - sinh năm 1991 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trịnh Bùi T trình bày:**

- Do có quan hệ anh em trong gia đình nên anh Trịnh Bùi T có cho vợ chồng anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S đều ở xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vay tiền theo các lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch) cho vợ chồng anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X vay 120.000.000đ. Lãi suất theo lãi suất của

ngân hàng thời điểm hiện tại (ngân hàng cho vay); thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch). Hai bên thống nhất thanh toán lãi vào ngày 12 âm lịch hàng tháng. Giấy vay nợ do hai vợ chồng chị Viên Thị X và anh Trương Văn Đ cùng ký nhận.

+ Lần 2: Ngày 10/12/2020 (là ngày 26/10/2020 âm lịch) cho vợ chồng anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S vay 300.000.000đ. Giấy vay nợ do hai vợ chồng chị Viên Thị X và anh Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị S cùng ký nhận.

- Sau khi anh Đ, chị X và bà S vay thì đã trả được cho anh T số tiền gốc và còn nợ lại như sau:

+ Đối với số tiền gốc 120.000.000đ vay ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch) anh Đ, chị X chưa trả được đồng nào.

+ Đối với số tiền 300.000.000đ anh Đ, chị X và bà S đã trả cho anh T 02 lần; cụ thể như sau: Lần 1: là 200.000.000đ vào tháng 03/2021 (là tháng 02 năm 2021 âm lịch). Lần 2: là 50.000.000đ vào tháng 04/2022 (là tháng 3 năm 2022 âm lịch). Như vậy đối với khoản vay 300.000.000đ, hiện nay anh Đ, chị X và bà S còn nợ anh Trịnh Bùi T là 50.000.000đ tiền gốc.

- Anh Đ, chị X và bà S còn nợ anh Trịnh Bùi T số tiền lãi của hai khoản vay như sau:

+ Tiền lãi đối với số tiền gốc 120.000.000đ tính từ tháng 9/2021 dương lịch đến tháng 9/2022 anh Đ và chị X chưa trả được là: 7.700.000đ.

+ Tiền lãi đối với số tiền gốc 100.000.000đ còn lại từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2022 là 7.000.000đ. Số tiền lãi tính trên số nợ gốc 50.000.000đ còn lại tính từ tháng 4/2022 đến tháng 9/2022 là: 1.458.000đ. Tổng tiền lãi anh Đ, chị X và bà S chưa trả cho anh Trịnh Bùi T là 8.458.000đ.

Dù số tiền lãi tính đến ngày xét xử (05/01/2023) có nhiều hơn nữa thì anh T cũng chỉ yêu cầu tổng số lãi anh Đ, chị X và bà S phải trả như đã tính ở trên và không yêu cầu gì thêm.

Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đ, chị X và bà S trả lại số tiền gốc và lãi tính như trên cho anh.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Viên Thị X trình bày:**

Do mối quan hệ trong gia đình giữa gia đình chị X và chồng là Trương Văn Đ cùng mẹ chồng là Nguyễn Thị S có vay anh Trịnh Bùi T với số tiền cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch) chị và chồng là Trương Văn Đ vay 120.000.000đ; vợ chồng chị cùng ký nhận. Lãi suất hàng tháng là 3.500.000đ/tháng.

+ Lần 2: Ngày 10/12/2020 (là ngày 26/10/2020 âm lịch) chị và chồng là Trương Văn Đ và mẹ chồng là Nguyễn Thị S vay anh T số tiền là 300.000.000đ; vợ chồng chị cùng mẹ là Nguyễn Thị S đều ký nhận. Lãi suất hàng tháng là 10.000.000đ/tháng.

Quá trình vay đến nay chị X, anh Đ và bà S đã trả cho anh T số tiền gốc 250.000.000đ của khoản vay 300.000.000đ, cụ thể như sau: Ngày 27/02/2021

(âm lịch) vợ chồng chị X, anh Đ và bà S trả cho anh T 200.000.000đ. Ngày 21/03/2022 (âm lịch) vợ chồng chị X, anh Đ và bà S trả cho anh T 50.000.000đ.

Hiện nay vợ chồng chị X, anh Đ và bà S trả còn nợ anh Trịnh Bùi T số tiền, cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 120.000.000đ vay ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch) anh Đ, chị X chưa trả được tiền gốc cho anh T, và chưa trả tiền lãi từ tháng 9/2021 dương lịch đến nay.

+ Đối với số tiền vay 300.000.000đ ngày 10/12/2020 (là ngày 26/10/2020 âm lịch). Giấy vay nợ do hai vợ chồng chị và bà Nguyễn Thị S cùng ký nhận; hiện còn nợ lại anh T là 50.000.000đ, do trả gốc nhiều lần nên không nhớ lãi trả đến khi nào, chỉ nhớ từ tháng 4/2022 còn nợ gốc là 50.000.000đ và không trả lãi đến nay.

Việc vợ chồng chị X, anh Đ và bà S trả tiền lãi cho anh T thì không có giấy tờ gì. Do hoàn cảnh vợ chồng chị X, anh Đ và bà S khó khăn nên không đủ khả năng trả lãi tiếp cho anh T và xin không trả lãi đối với số tiền còn nợ. Đối với số tiền gốc còn nợ của hai lần vay vợ chồng chị X, anh Đ và bà S xin trả dần cho anh T mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu trả từ tháng 10/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu chị X, anh Đ và bà S vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì anh T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành đối với toàn bộ số tiền nợ mặc dù chưa đến thời hạn trả tính từ thời điểm chị X, anh Đ và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại các buổi hòa giải Tòa án triệu tập, bị đơn anh Đ và bà S đều vắng mặt, bị đơn là chị X đều có mặt và đều thống nhất về thời điểm vay, số tiền vay và số tiền gốc đã trả.

* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, bị đơn cũng thống nhất xin trả dần gốc và xin không trả lãi.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS. Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470; Điều 288; Điều 357 của BLDS. Điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp và quản lý S dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Bùi T đối với bị đơn anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S. Buộc anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T số tiền là 166.672.000đ (gồm tiền gốc và lãi của hai khoản vay ngày 01/06/2020 và 10/12/2020). Buộc

bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T tổng số tiền là 19.486.000đ (gồm tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 10/12/2020).

Dù số tiền lãi tính đến ngày xét xử có nhiều hơn nữa thì anh T cũng chỉ yêu cầu tổng số lãi anh Đ, chị X và bà S phải trả như đã tính ở trên và không yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Anh Trịnh Bùi T không phải chịu án phí DSST và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Anh Trịnh Bùi T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S là bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn anh Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Như vậy theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị S.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, thì thấy:

Do có quan hệ anh em trong gia đình nên anh Trịnh Bùi T có cho vợ chồng anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S vay số tiền theo số lần vay như sau:

- Ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch) cho vợ chồng anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X vay 120.000.000đ. Lãi suất theo lãi suất của ngân hàng thời điểm hiện tại (ngân hàng cho vay); thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 01/06/2020 (là ngày 10/4/2020 âm lịch). Hai bên thống nhất thanh toán lãi vào ngày 12 âm lịch hàng tháng. Giấy vay nợ do hai vợ chồng chị Viên Thị X và anh Trương Văn Đ cùng ký nhận. Đối với số tiền vay này anh Đ, chị X chưa trả cho anh T; đối với tiền lãi của khoản vay này đến nay anh Đ, chị X còn nợ anh T là 7.700.000đ. Tổng cộng anh Đ và chị X còn nợ anh T khoản vay này là 127.700.000đ.

- Ngày 10/12/2020 (là ngày 26/10/2020 âm lịch) cho vợ chồng anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S vay 300.000.000đ. Giấy vay nợ do hai vợ chồng chị Viên Thị X và anh Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị S cùng ký nhận. Đối với khoản vay này chị X, anh Đ và bà S đã trả cho anh T số tiền gốc cụ thể như sau: Lần 1: 200.000.000đ vào tháng 03/2021 (là tháng 02 năm 2021 âm lịch). Lần 2: là 50.000.000đ vào tháng 04/2022 (là tháng 3 năm 2022 âm lịch). Đối với khoản vay 300.000.000đ, hiện nay anh Đ, chị X và bà S còn nợ anh Trịnh Bùi T là 50.000.000đ tiền gốc. Đối với tiền lãi của khoản vay này tiền lãi anh Đ, chị X và bà S còn nợ anh T là 8.458.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi anh Đ, chị X và bà S còn nợ anh T của khoản vay ngày 10/12/2020 là 58.458.000đ.

Quá trình vay, anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T như đã cam kết.

Bị đơn chị X đều thống nhất về thời điểm vay, số tiền vay và số tiền gốc đã trả, tuy nhiên khó khăn nên không đủ khả năng trả lãi tiếp cho anh Trịnh Bùi T và xin không trả nợ lãi nữa. Đối với số tiền gốc còn nợ của hai khoản vay ngày 01/6/2020 và 10/12/2020 vợ chồng chị X, anh Đ và bà S xin trả dần cho anh T mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu trả từ tháng 10/2022 cho đến khi trả hết nợ; anh T không đồng ý.

Như vậy, anh Đ, chị X và bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như giấy vay nợ mà các bên đã ký kết với nhau, đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Trịnh Bùi T nên anh T yêu cầu anh Đ, chị X và bà S trả nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử như sau: Buộc anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T số tiền là 166.672.000đ (gồm tiền gốc và lãi của hai khoản vay ngày 01/06/2020 và 10/12/2020). Buộc bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T tổng số tiền là 19.486.000đ (gồm tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 10/12/2020) là có căn cứ chấp nhận.

Dù số tiền lãi tính đến ngày xét xử (05/01/2023) có nhiều hơn nữa thì anh T cũng chỉ yêu cầu tổng số lãi anh Đ, chị X và bà S phải như đã tính ở trên và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Bùi T không phải chịu án phí DSST và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS. Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470; Điều 288; Điều 357 của BLDS. Điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết

326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp và quản lý S dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Bùi T đối với bị đơn anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S.

Buộc anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T tổng số tiền là 166.672.000đ (gồm tiền gốc và lãi của hai khoản vay ngày 01/06/2020 và 10/12/2020).

Buộc bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho anh Trịnh Bùi T tổng số tiền là 19.486.000đ (gồm tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 10/12/2020).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trịnh Bùi T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trương Văn Đ, chị Viên Thị X và bà Nguyễn Thị S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

- Về án phí: Anh Trương Văn Đ và chị Viên Thị X phải nộp 8.334.000đ án phí DS sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị S phải nộp 974.000đ án phí DS sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Trịnh Bùi T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0009521 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

